

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **93/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 19/3/2020

V/v tranh chấp “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ - TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phong Phi

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Phú

Ông Phan Phước Tân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vũ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Trinh- Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 03 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú. Tòa án nhân dân huyện An Phú mở xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 420/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2019 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 66/2020/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông P V U, sinh năm: 1968. Cư trú: tổ 10, ấp Vĩnh Lợi, xã Vĩnh Thạnh Trung, huyện Châu Phú, An Giang.

- Bị đơn: Bà H T D, sinh năm: 1977. Cư trú: ấp Tân Thạnh, thị trấn Long Bình, huyện An Phú, An Giang.

(Ông U có mặt, bà D vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông P V U nộp đơn xin ly hôn với bà H T D với nội dung như sau:

Hôn nhân giữa ông và bà D được hình thành là do thông qua mai mối rồi được cha mẹ hai bên đồng ý đứng ta tổ chức đám cưới vào năm 1994, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Thạnh Trung, huyện Châu Phú, An Giang.

Cuộc sống chung thời gian đầu tương đối hạnh phúc, phát sinh mâu thuẫn đã hơn 04 năm nay. Nguyên nhân là do hai người bất đồng quan điểm, sống không hợp nhau, thời gian sau này vợ chồng thương xuyên gây cãi làm mất hạnh phúc gia đình, sau đó bà D bỏ nhà đi đến nay. Hai người sống ly thân nhau từ đó. Cha mẹ hai bên có không ai đứng ra hàn gắn, tự ông bà giải quyết. Nay ông xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông xin ly hôn với bà D.

Về con chung: có 02 con chung Phan Thị Loan, sinh ngày 09/7/1995, Phan Thị Hạnh, sinh ngày 11/10/1997; hiện đã trưởng thành.

Về quan hệ tài sản chung: Không có; Nợ chung: Không có, cũng không ai nợ lại ông bà.

Tại phiên tòa hôm nay bà D vắng mặt. Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú và tình trạng hôn nhân giữa ông và bà D để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa, ông U bảo lưu ý kiến của mình. Riêng bà D đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà theo thủ tục chung.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong ghi lời khai, thủ tục xét xử vắng mặt, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần hội đồng xét xử không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về nội dung: Ông U và bà D là vợ chồng và có 02 con chung đã trưởng thành. Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương và xác định ông U và bà D không còn sống chung nhau và không liên lạc nhau đã hơn bốn năm, bà D bỏ nhà đi làm xa lâu lâu mới về nhà, do đó Tòa án giải quyết và thụ lý yêu cầu ly hôn của ông U là có căn cứ. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn bà D đã được triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt, Tòa án đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ về sự vắng mặt của bà D, được thể hiện trong hồ sơ vụ án và việc vắng mặt của bà D không gây trở ngại cho việc xét xử; Căn cứ khoản 05 Điều 177, Điều 179, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành niêm yết xét xử vắng mặt bà D.

[2] Về hôn nhân giữa ông U và bà D được hình thành trên cơ sở thông qua mai mối, rồi được cha mẹ hai bên đồng ý đứng ra tổ chức đám cưới vào năm 1994, hôn nhân có đăng ký kết hôn, nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Cuộc sống chung không hạnh và phát sinh mâu thuẫn hơn bốn năm nay. Nguyên nhân là do

ông U và bà D sống không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm sống, dẫn đến thường xuyên gây cãi nhau nên mất hạnh phúc vợ chồng nên bà D bỏ nhà đi từ đó và hai người ly thân nhau cách nay bốn năm.

[3] Tại phiên tòa, bà D vắng mặt nhưng lời khai của ông U là phù hợp với biên bản xác minh ngày 11/02/2019 bà Huỳnh Thị Kim Đồng là em ruột của bà D cho biết: Hôn nhân giữa ông U và bà D hình thành do mai mối rồi được cha mẹ tổ chức đám cưới, chung sống được hai con chung và phát sinh mâu thuẫn nên bà D bỏ đi làm xa cách nay hơn bốn năm. Nguyên nhân là do ông U sống rất khắc khe về vấn đề tiền bạc với bà D, còn dùng lời lẽ xúc phạm, không chịu đựng được nên bà mới bỏ đi. Hiện nay bà D đi giúp việc ở Kiên Giang lâu lâu có về thăm nhà một lần vào dịp lễ tết. Ông U và bà D ly thân nhau cách đây hơn bốn năm. Bà D vẫn còn hộ khẩu thường trú chung với mẹ ruột của bà. Theo bà thì giữa ông U và bà D không thể trở về chung sống với nhau được vì mâu thuẫn đã trầm trọng, hai người đã sống xa thời gian rất lâu và ai cũng có cuộc sống riêng.

Tại biên bản xác minh ngày 11/02/2020 ông Lưu Văn Sang – Phó ấp Tân Thạnh cung cấp thông tin như sau: Hiện nay bà H T D vẫn còn hộ khẩu thường trú với chủ hộ bà Cao Thị Ứng (mẹ ruột) tại ấp An Thạnh, xã Khánh An, huyện An Phú, An Giang. Về tình trạng hôn nhân giữa ông U và bà D thì không rõ nhưng được biết thông tin là hiện nay bà D đã bỏ đi làm ăn xa.

Căn cứ điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 có quy định *“Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng họ không có nơi cư trú ổn định, thường xuyên thay đổi nơi cư trú, trụ sở mà không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về cư trú làm cho người khởi kiện không biết được nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện thì Thẩm phán không trả lại đơn khởi kiện mà xác định người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có tình giấu địa chỉ và tiến hành thụ lý, giải quyết theo thủ tục chung.”* Do đó việc xác minh nơi cư trú của bà D cho thấy bà vẫn còn hộ khẩu ở địa phương và cũng thường đi và về nhà do đó Tòa án niêm yết theo quy định khoản 05 Điều 177, Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bà D.

[4] Xét nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn ngay từ ban đầu là bất đồng nhau trong cách sống, lẽ ra hai bên tự tìm cách hóa giải để tạo điều kiện cho cuộc sống hạnh phúc. Ngược lại cả hai cùng bỏ mặc nhau, không quan tâm, địa phương biết, gia đình biết cả hai không còn yêu thương nhau.

Trong thời gian ly thân nhau, hai người không tự hàn gắn không quan tâm đến nhau, căn cứ khoản 1 Điều 56 luật hôn nhân gia đình, thì ông U và bà D đã vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng được quy định tại Điều 19 luật hôn nhân và gia đình 2014 *“Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”*, do

đó Tòa án nhận thấy cả hai vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó Tòa án giải quyết cho ly hôn là có căn cứ.

[5] Về quan hệ con chung: Có 02 con chung đã trưởng thành. Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Ông U khai không có. Do bà D vắng mặt nên Tòa án không giải quyết nếu sau này ông U bà D có tranh chấp thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[7] Về án phí: Ông U là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm. Bà D không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông P V U

Về hôn nhân: Ông P V U được ly hôn với bà H T D.

Giấy chứng nhận kết hôn số 48, ngày 12/5/2003 của Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Thạnh Trung, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

Về án phí: Ông P V U phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được chuyển từ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0011664 ngày 04/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú (ông P V U đã nộp đủ).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 19/03/2020) Các đương sự được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng thời hạn kháng cáo của bà H T D được tính kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1)
- VKSND huyện An Phú (2);
- Chi cục THADS huyện An Phú (1);
- UBND xã nơi kết hôn (1);
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng (1).
- Lưu hồ sơ (1);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phong Phi